



ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ CẤP TÍN DỤNG VÀ PHÁT HÀNH, SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG TẠI PVCOMBANK

Bản “Điều Khoản Và Điều Kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại PVcomBank” (sau đây gọi là “**Điều Khoản Và Điều Kiện**”) là một bộ phận không tách rời của “Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng” (sau đây gọi là “**Hợp đồng Tín Dụng**”) mà PVcomBank và Bên Vay đã ký. Bằng cách lựa chọn sử dụng sản phẩm, dịch vụ và ký vào Hợp đồng Tín Dụng, Bên Vay đồng ý chịu sự ràng buộc theo các Điều Khoản Và Điều Kiện tương ứng với sản phẩm, dịch vụ bao gồm: vay trả góp, thấu chi và thẻ tín dụng.

PHỤ LỤC 1: ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ CẤP TÍN DỤNG – VAY TRẢ GÓP/THẤU CHI TẠI PVCOMBANK

TRẢ LÃI, PHÍ

1. Trả nợ lãi: Số tiền lãi: Lãi suất được tính trên cơ sở một năm có 365 ngày. Số tiền lãi của toàn bộ thời hạn tính lãi được xác định theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\sum (\text{Số dư thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư thực tế} \times \text{Lãi suất cho vay})}{365}$$

Trong đó:

- (i) *Số dư thực tế*: là số tiền vay thực tế được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận của các Bên và theo quy định của pháp luật về cấp tín dụng;
- (ii) *Số ngày duy trì số dư thực tế*: là số ngày mà số dư thực tế được duy trì để tính lãi.
- (iii) *Lãi suất cho vay được áp dụng theo công thức*:

$$\text{Lãi suất cho vay} = \text{Lãi suất cơ sở} + \text{Biên độ}$$

Trong đó:

- *Lãi suất cơ sở* là Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ theo Biểu lãi suất tiền gửi đối với khách hàng cá nhân do PVcomBank niêm yết từng thời kỳ.
 - *Biên độ* theo quy định của PVcomBank theo từng thời kỳ.
2. Trường hợp chậm trả nợ gốc, Bên Vay đồng ý chịu mức lãi suất nợ quá hạn đối với phần nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo quy định trong Hợp đồng Tín Dụng.
 3. Lãi chậm trả lãi: Lãi chậm trả lãi được xác định trên cơ sở tiền lãi chậm trả nhân (x) số ngày chậm trả thực tế nhân (x) Lãi suất chậm trả lãi (%) chia (:) 365. Lãi suất chậm trả lãi bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả.
 4. Điều chỉnh lãi suất cho vay:
 - 4.1. Điều chỉnh lãi suất theo định kỳ như đã thỏa thuận tại Hợp đồng Tín Dụng; và/hoặc
 - 4.2. Trong trường hợp phát sinh Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể hoặc phát sinh các sự kiện, điều kiện có ảnh hưởng tới hoạt động huy động vốn của PVcomBank, PVcomBank có toàn quyền điều chỉnh lãi suất cho vay cho phù hợp với thị trường;
 - 4.3. Trong trường hợp Bên Vay là cán bộ/nhân viên của PVcomBank trong thời gian vay vốn, phát hành thẻ tín dụng được áp dụng lãi suất theo lãi suất nội bộ áp dụng cho cán bộ/nhân viên, nếu Bên Vay nghỉ việc hoặc vì bất kỳ lý do gì không còn

là người lao động của PVcomBank, khi đó PVcomBank có toàn quyền điều chỉnh lãi suất cho vay để phù hợp với lãi suất cho vay đối với các khách hàng thông thường;

- 4.4. Trường hợp mức Lãi suất cơ sở được quy định tại Hợp đồng Tín Dụng có nhiều mức khác nhau tại một thời điểm, PVcomBank và Bên Vay thống nhất xác định lãi suất tham chiếu là mức lãi suất cao nhất trong biểu lãi suất mà PVcomBank công bố tùy từng thời kỳ.
- 4.5. Ngày điều chỉnh lãi suất được xác định là ngày bắt đầu mỗi kỳ điều chỉnh. Nếu ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày PVcomBank nghỉ thì ngày điều chỉnh lãi suất sẽ được xác định là ngày làm việc tiếp theo liền kề. Ngày làm việc theo Điều Khoản Và Điều Kiện này là bất kỳ ngày nào trừ các ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ tại Việt Nam hoặc bất kỳ ngày nào mà PVcomBank không làm việc.

THANH TOÁN

5. Bên Vay phải chủ động thanh toán các khoản gốc, lãi, phí và các nghĩa vụ thanh toán khác cho PVcomBank trước 16h00 của ngày đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng phương thức nộp tiền trực tiếp tại quầy giao dịch hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán/tài khoản thấu chi của Bên Vay để PVcomBank thu hồi nợ. Việc thanh toán của Bên Vay chỉ được coi là thành công khi PVcomBank đã hạch toán thu nợ và khoản thanh toán của Bên Vay đã được ghi nhận vào hệ thống của PVcomBank.
6. Trường hợp ngày đến hạn không phải là một ngày làm việc thì ngày trả nợ sẽ là ngày làm việc gần nhất ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho tới ngày thực trả.
7. Bên Vay được giải ngân bằng đồng tiền nào thì trả nợ bằng đồng tiền đó, trừ khi được PVcomBank chấp thuận thay thế bằng đồng tiền khác với tỷ lệ quy đổi do PVcomBank quyết định.
8. Vào ngày kết thúc Thời Hạn Cho Vay/HMTC, nếu Bên Vay còn bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào khác chưa thanh toán, thì Bên Vay phải thanh toán tất cả các nghĩa vụ đó vào ngày kết thúc Thời Hạn Cho Vay/HMTC.
9. Khi nhận được một khoản thanh toán bất kỳ, thứ tự thu nợ sẽ do PVcomBank quyết định. Trong trường hợp Ngân hàng nhà nước có hướng dẫn về thứ tự thu nợ thì áp dụng quy định của Ngân hàng nhà nước trong từng thời kỳ.
10. Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Bên Vay theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng là trách nhiệm liên đới. PVcomBank có quyền chỉ định từng cá nhân (nếu tại Hợp đồng Tín Dụng) hoặc tất cả các cá nhân tham gia ký kết Hợp đồng Tín Dụng thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng Tín Dụng. Một hoặc một số người trong Bên Vay ký kết Ủy nhiệm chi, Giấy lĩnh tiền với PVcomBank đều có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của tất cả các Bên Vay theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Tín Dụng.
11. Bên Vay đồng ý để PVcomBank được tự động trích trừ các khoản tiền của Bên Vay trong tài khoản thanh toán và bất kỳ tài khoản nào của Bên Vay tại PVcomBank để thanh toán cho các nghĩa vụ thanh toán của Bên Vay đối với PVcomBank tại ngày đến hạn.

TRẢ NỢ TRƯỚC HẠN, CƠ CẤU LẠI KHOẢN NỢ, CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

12. Trả nợ trước hạn: Bên Vay phải thanh toán Phí trả nợ trước hạn theo quy định của PVcomBank từng thời kỳ khi Bên Vay có nhu cầu trả nợ trước hạn hoặc PVcomBank thực hiện thu nợ trước hạn theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này. Mức Phí trả nợ trước hạn do PVcomBank thông báo khi thu nợ trước hạn, Bên Vay theo điều khoản này chấp nhận với mức Phí trả nợ trước hạn do PVcomBank thông báo.
13. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Trường hợp Bên Vay không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi vay theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng, Bên Vay có thể đề nghị PVcomBank cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Văn bản đề nghị phải được kèm theo các tài liệu chứng minh gửi tới PVcomBank trước ngày đến hạn trả nợ tối thiểu 10 (mười) ngày làm việc. Trường hợp chấp thuận, PVcomBank sẽ cơ cấu lại thời hạn trả nợ và có thông báo bằng văn bản cho Bên Vay. Trường hợp

PVcomBank không có văn bản chấp thuận về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi vay vào ngày đến hạn.

14. Chuyển nợ quá hạn: Khi Bên Vay không trả được bất kỳ khoản nợ gốc hoặc lãi nào đến hạn, PVcomBank sẽ thực hiện chuyển khoản nợ theo Hợp Đồng Tín Dụng thành khoản nợ quá hạn theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ. Khi chuyển nợ quá hạn, PVcomBank sẽ thông báo cho Bên Vay về số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị quá hạn.

SỰ KIỆN VI PHẠM, THAY ĐỔI BẤT LỢI ĐÁNG KỂ

PVcomBank toàn quyền quyết định chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, xử lý tài sản bảo đảm hoặc áp dụng các biện pháp khác phù hợp với quy định pháp luật và quy định của Hợp Đồng Tín Dụng trong trường hợp xảy ra một hoặc các sự kiện sau:

15. **Sự Kiện Vi Phạm:** Bất kỳ sự kiện nào quy định dưới đây là một sự kiện vi phạm (trong Điều Khoản Và Điều Kiện này gọi là “**Sự Kiện Vi Phạm**”):
- 15.1. Bên Vay sử dụng vốn vay sai mục đích và/hoặc tài liệu, thông tin do Bên Vay cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật.
- 15.2. Bên Vay (i) chấm dứt Hợp Đồng lao động với Đơn vị công tác, bị sa thải, chuyển công tác; hoặc (ii) thôi không đảm nhiệm các chức vụ; và/hoặc (iii) xảy ra bất kỳ sự kiện liên quan đến việc làm của Bên Vay, dẫn tới việc Bên Vay không còn đáp ứng các điều kiện cho vay trả góp bằng lương/cho vay thấu chi/cho vay không có tài sản bảo đảm theo quy định của PVcomBank.
- 15.3. Bên Vay vi phạm bất kỳ cam kết hoặc nghĩa vụ nào theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các cam kết khác đối với PVcomBank.
- 15.4. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc hướng dẫn của PVcomBank Nhà nước trong từng thời kỳ.
16. **Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể:** Thay đổi bất lợi đáng kể theo Điều Khoản Và Điều Kiện này là bất kỳ hành động, sự kiện, chuỗi sự kiện cho dù có liên quan hay không liên quan trực tiếp đến Bên Vay, nhưng theo quan điểm, đánh giá của PVcomBank có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng (trong Điều Khoản Và Điều Kiện này gọi là “**Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể**”), bao gồm:
- 16.1. Bên Vay chết hoặc bị tuyên bố chết, mất tích hoặc bị tuyên bố mất năng lực hành vi, bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho PVcomBank hoặc bị Tòa án xác định vắng mặt tại nơi cư trú.
- 16.2. Bên Vay tham gia các thủ tục khiếu kiện, khiếu nại, thủ tục tố tụng hoặc thủ tục trọng tài và tất cả các sự kiện khác mà theo quyết định của PVcomBank có ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Bên Vay.
- 16.3. Người bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay (nếu có) không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc bị rơi vào các trường hợp tương tự như của Bên Vay nêu trên hoặc Người bảo lãnh, bên có liên quan đó là tổ chức bị chia tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.
- 16.4. Bất kỳ sự kiện nào mà theo đánh giá của PVcomBank có ảnh hưởng tới sự ổn định của thị trường tiền tệ, việc cân đối, huy động vốn trên thị trường, việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng của Bên Vay đối với PVcomBank.
17. **Xử lý trong trường hợp có Sự Kiện Vi Phạm hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể**
- 17.1. Khi xảy Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể, ngoài các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật, PVcomBank có toàn quyền quyết định và chỉ cần thông báo bằng văn bản hoặc các hình thức thông báo khác (như điện thoại, thư điện tử...) cho Bên Vay về việc: (i) đình chỉ việc tiếp tục rút vốn vay của Bên Vay theo Hợp Đồng Tín Dụng; và/hoặc (ii) quyết định thu hồi nợ trước hạn; và/hoặc (iii) áp dụng các mức lãi suất thích hợp khác với lãi suất đã thỏa thuận cho các khoản chưa giải ngân hoặc đối với các khoản đã giải ngân trên tinh thần cùng chia

sẽ rủi ro; và/hoặc (iv) áp dụng bất kỳ biện pháp nào mà PVcomBank cho là thích hợp không trái với quy định của pháp luật.

- 17.2. Trường hợp PVcomBank áp dụng biện pháp thu hồi nợ trước hạn: Kể từ thời điểm theo thông báo của PVcomBank, tất cả các khoản nợ (dù đã đến hạn hay chưa đến hạn) đều trở thành khoản nợ đến hạn và Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán cho PVcomBank. Hết thời hạn thanh toán theo thông báo của PVcomBank, nếu các nghĩa vụ nợ chưa được thanh toán hết thì toàn bộ các khoản nợ chưa được thanh toán hết sẽ được chuyển thành nợ quá hạn và áp dụng Lãi suất quá hạn. Khi đó, PVcomBank có quyền thực hiện tất cả các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp sau:
 - 17.2.1. PVcomBank tự động trích tiền trên bất kỳ Tài khoản nào của Bên Vay để thu hồi nợ. Bên Vay bằng quy định này, ủy quyền vô điều kiện và không hủy ngang cho PVcomBank trích tiền từ bất kỳ Tài khoản nào của Bên Vay tại PVcomBank và/hoặc tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào để thu hồi nợ;
 - 17.2.2. Xử lý bất kỳ tài sản đảm bảo nào theo Điều Khoản Và Điều Kiện (nếu có);
 - 17.2.3. Các biện pháp khác do PVcomBank quyết định không trái với quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm áp dụng.

BẢO ĐẢM KHOẢN VAY, BẢO HIỂM

18. **Bảo đảm khoản vay:** Bên Vay đồng ý rằng trong thời hạn vay vốn, Bên Vay dùng toàn bộ các thu nhập và tài sản sau của Bên Vay để trả đầy đủ nợ gốc, lãi, các nghĩa vụ thanh toán khác (nếu có) phát sinh theo Hợp Đồng Tín Dụng cho PVcomBank: (i) mọi khoản thu của Bên Vay, không giới hạn bởi lương, thu nhập hàng tháng, các khoản phụ cấp, trợ cấp và mọi nguồn thu của Bên Vay, và (ii) các tài sản khác của cá nhân và gia đình Bên Vay.
 Trong trường hợp xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể, theo yêu cầu của PVcomBank, Bên Vay có nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được thông báo của PVcomBank để bảo đảm cho nghĩa vụ vay vốn theo Hợp Đồng Tín Dụng, phối hợp với PVcomBank để hoàn thiện các thủ tục bảo đảm tiền vay và Bên Vay chịu toàn bộ các chi phí liên quan theo quy định của pháp luật và PVcomBank.
19. **Bảo hiểm**
 - 19.1. Bên Vay có trách nhiệm mua bảo hiểm tín dụng cá nhân theo yêu cầu của PVcomBank tại tổ chức bảo hiểm do PVcomBank chỉ định hoặc chấp thuận để đảm bảo khả năng hoàn trả đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp Đồng Tín Dụng này của Bên Vay cho PVcomBank. Thời hạn của Hợp Đồng bảo hiểm tối thiểu phải bằng Thời Hạn Cho Vay/HMTC.
 - 19.2. Hợp Đồng mua bảo hiểm của Bên Vay ký với Công ty bảo hiểm hoặc bên khác mua thay cho Bên Vay phải quy định người thụ hưởng bảo hiểm đầu tiên và duy nhất là PVcomBank.
20. **Tài Khoản**
 - 20.1. Bên Vay mở và duy trì tài khoản tại PVcomBank hoặc tổ chức tín dụng khác được PVcomBank chỉ định (“Tài Khoản”). Bên Vay theo đây ủy quyền vô điều kiện, không hủy ngang trong suốt thời hạn Hợp Đồng Tín Dụng cho PVcomBank được toàn quyền trích tiền trên Tài Khoản này để thanh toán các nghĩa vụ của Bên Vay với PVcomBank theo Hợp Đồng Tín Dụng.
 - 20.2. Bên Vay bằng điều khoản này chấp thuận và ủy quyền vô điều kiện, không hủy ngang cho Đơn vị công tác và/hoặc các tổ chức chi trả lương hoặc các khoản thu nhập khác cho Bên Vay có quyền (i) trích chuyển lương và thu nhập của Bên Vay theo thông báo bằng văn bản của PVcomBank; (ii) giữ lại bất kỳ và toàn bộ lương và các khoản thu nhập của Bên Vay để chuyển theo thông báo của PVcomBank.

CAM KẾT CỦA BÊN VAY

21. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính theo yêu cầu của PVcomBank và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp trong suốt quá trình vay. PVcomBank có quyền yêu cầu Bên Vay phối hợp cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản tín dụng để PVcomBank thực hiện thẩm định và quyết định cho vay. PVcomBank có toàn quyền làm việc với bên thứ ba bất kỳ, kiểm tra các chứng từ hoặc tài sản bảo đảm kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ của Bên Vay.
22. Thanh toán các khoản phí phát sinh từ việc sử dụng dịch vụ để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc phát sinh trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng, bao gồm nhưng không giới hạn: phí chuyển khoản khoản vay, phí giám định tài sản và các khoản phí khác (nếu có).
23. Trường hợp Bên Vay chuyển công tác thì Bên Vay (i) đồng ý ủy quyền cho PVcomBank được nhận lương và các khoản thu nhập của Bên Vay tại Đơn vị công tác mới để thanh toán các nghĩa vụ của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng này; và (ii) bằng Điều Khoản Và Điều Kiện này, Bên Vay đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho Đơn vị công tác mới được quyền trích trừ lương và các khoản thu nhập của Bên Vay tại Đơn vị công tác mới để chuyển cho PVcomBank cần trừ các nghĩa vụ của Bên Vay phát sinh theo Hợp Đồng Tín Dụng (đối với các đơn vị công tác mới đáp ứng đầy đủ điều kiện của PVcomBank tùy từng thời kỳ) hoặc (iii) Bên Vay đồng ý cho PVcomBank thu hồi nợ trước hạn hoặc dùng giải ngân đối với các khoản vay còn hiệu lực giải ngân (đối với các đơn vị công tác mới không đáp ứng được điều kiện của PVcomBank tùy từng thời kỳ).
24. Trường hợp Bên Vay có sự thay đổi về việc làm (nghỉ việc/nghỉ hưu/chuyển công tác/tạm hoãn Hợp đồng lao động, bị sa thải, đuổi việc...), thu nhập, tình trạng trả nợ và/hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của PVcomBank, Bên Vay cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản theo yêu cầu của PVcomBank. Nếu không thực hiện được các biện pháp bảo đảm, Bên Vay cam kết trả trước hạn toàn bộ khoản vay.
25. Thông báo bằng văn bản cho PVcomBank trong vòng 01 (một) ngày làm việc về Sự Kiện Vi Phạm và/hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể cho PVcomBank kể từ ngày phát sinh sự kiện.
26. Đồng ý để PVcomBank có quyền sử dụng các thông tin của Bên Vay vào các mục đích không trái quy định của pháp luật.
27. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này, các văn bản, cam kết vay vốn có liên quan.

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

28. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Kiện sẽ được các bên thương lượng, giải quyết trên tinh thần thiện chí, tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên. Trường hợp không giải quyết thông qua thương lượng được, Hai bên thỏa thuận lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền hoặc Trung tâm trọng tài do nguyên đơn lựa chọn. Trường hợp lựa chọn Trung tâm trọng tài, Hai bên đồng ý tuân thủ theo quy tắc trọng tài của Trung tâm trọng tài, Hội đồng trọng tài gồm 1 người duy nhất do Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định.
29. Bên Vay đã được PVcomBank cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi hai bên xác lập Hợp Đồng Tín Dụng và các văn bản liên quan và Bên Vay đã đọc và đồng ý với các thông tin được PVcomBank cung cấp.
30. Thông báo của mỗi Bên:
 - 30.1. Thông báo của PVcomBank
 - 30.1.1 Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Điều Khoản Và Điều Kiện, tất cả các thông báo và thông tin của PVcomBank cho Bên Vay theo Điều Khoản Và Điều Kiện có thể gửi đi bằng một trong các phương thức như sau: (i) đường bưu điện, (ii) giao tận tay, (iii) fax, (iv) điện thoại tin nhắn điện thoại; (v) thư điện tử tới hộp thư Bên Vay đã đăng ký; (vi) đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của PVcomBank (<http://pvcombank.com.vn>).
 - 30.1.2 Thông báo của PVcomBank gửi cho Bên Vay được xem là đã nhận nếu:
 - a) Bằng thư, từ thời điểm bưu điện hoặc đơn vị chuyển phát hoàn thành việc gửi thư;

- b) Bảng điện thoại, từ thời điểm thông báo;
 - c) Bảng email/tin nhắn điện thoại, từ thời điểm hoàn thành việc gửi email/tin nhắn điện thoại;
 - d) Bảng fax, từ thời điểm hoàn thành việc gửi fax.
 - e) Gửi trực tiếp, từ thời điểm Bên Vay hoặc bất kỳ cá nhân nào (người thân, bạn bè,...) nhận thông báo tại địa chỉ của Bên Vay nêu tại Hợp Đồng Tín Dụng.
 - f) Trường hợp PVcomBank thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn> hoặc niêm yết thông báo tại Quầy giao dịch, Khách hàng được xem là đã nhận kể từ thời điểm PVcomBank hoàn tất việc đăng thông tin trên website <http://www.pvcombank.com.vn> hoặc PVcomBank hoàn tất việc niêm yết thông tin tại các Quầy giao dịch.
- 30.2 Thông báo của Bên Vay: Thông báo của Bên Vay cho PVcomBank chỉ được xem là PVcomBank đã nhận nếu thông báo đó được gửi bằng hình thức văn bản cho PVcomBank theo địa chỉ đã nêu trong Hợp đồng Tín Dụng, trong giờ làm việc, ngày làm việc và được PVcomBank xác nhận là đã nhận. Các văn bản thông báo được gửi đến PVcomBank ngoài giờ làm việc được PVcomBank xem là nhận vào bất kỳ thời điểm nào của ngày làm việc tiếp theo.
- 30.3 Mỗi bên tại từng thời điểm có nghĩa vụ thông báo cho bên kia về bất kỳ thay đổi nào đối với địa chỉ, số điện thoại hoặc số fax, email của mình.
31. Các thông tin của Bên Vay được PVcomBank bảo mật, trừ trường hợp phải cung cấp: (a) cho cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật; (b) cho Trung tâm thông tin tín dụng của PVcomBank nhà nước (CIC); (c) cho tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm; (d) cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân bất kỳ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của PVcomBank vì mục đích để thực hiện giải ngân, thu nợ và thực hiện các nội dung khác theo quy định tại Hợp Đồng Tín Dụng; (e) các trường hợp khác do pháp luật quy định.
32. Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Kiện này được điều chỉnh bởi pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào trong Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Kiện này bị tuyên vô hiệu theo phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc do thay đổi luật thì các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực và có giá trị thực hiện với các bên.
33. Trong trường hợp khi có sự thay đổi của pháp luật, hướng dẫn của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam hoặc các quy định nội bộ của PVcomBank dẫn tới sự khác biệt đối với các thỏa thuận đã được ghi nhận tại Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này, Các Bên đồng ý PVcomBank được tự động áp dụng những thay đổi này theo quy định pháp luật và quy định nội bộ cho phù hợp và đăng tải trên website <http://www.pvcombank.com.vn> khi điều chỉnh. Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực từ ngày Điều Khoản Và Điều Kiện (sửa đổi, bổ sung) được đăng tải thành công và PVcomBank thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn>.
- 33.1. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện được đăng tải và thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn>, nếu Bên Vay không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung do PVcomBank đưa ra, Bên Vay có trách nhiệm thông báo với PVcomBank để thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng Tín Dụng.
- 33.2. Nếu Bên Vay không có ý kiến sau thời hạn 5 ngày kể từ ngày PVcomBank đăng tải và thông báo về bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện hoặc Bên Vay tiếp tục sử dụng hạn mức thấu chi sau thời điểm bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện được PVcomBank đăng tải và thông báo thì được hiểu là Bên Vay chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó.
34. Các Bên đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với toàn bộ nội dung Điều Khoản Và Điều Kiện này.

PHỤ LỤC 2: ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG TẠI PVCOMBANK

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TỪ VIẾT TẮT

- 1. Giải thích thuật ngữ:**
 - 1.1. PVcomBank: là Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, thực hiện các nghiệp vụ phát hành và thanh toán thẻ tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức thẻ quốc tế.
 - 1.2. Tổ chức thẻ quốc tế (sau đây gọi tắt là “TCTQT”): là hiệp hội các tổ chức tài chính, tín dụng tham gia phát hành và thanh toán Thẻ quốc tế, bao gồm: Tổ chức Visa, Tổ chức MasterCard International, Công ty American Express, Công ty JCB, Công ty Diners Club và các TCTQT khác
 - 1.3. Chủ thẻ: là Khách hàng cá nhân được PVcomBank cung cấp thẻ để sử dụng theo hạn mức Thẻ tín dụng được cấp, có tên và chữ ký trên thẻ. Chủ thẻ bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ (nếu có).
 - 1.4. Chủ thẻ chính: là cá nhân đứng tên trên Thẻ thỏa thuận về việc sử dụng thẻ với PVcomBank và có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận này. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản dư nợ phát sinh trên Tài khoản Thẻ và là người duy nhất có quyền đưa ra các yêu cầu liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ phụ.
 - 1.5. Chủ thẻ phụ: là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; hoặc có năng lực hành vi dân sự và từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi được người đại diện theo pháp luật của người đó chấp thuận về việc sử dụng thẻ (hoặc theo quy định của Ngân Hàng Nhà Nước trong từng thời kỳ), được Chủ thẻ chính cho phép sử dụng Thẻ theo thỏa thuận về việc sử dụng Thẻ giữa Chủ thẻ chính và PVcomBank. Chủ thẻ phụ được sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng chung với hạn mức do PVcomBank cấp cho Chủ thẻ chính và chịu trách nhiệm về việc sử dụng Thẻ, sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng với Chủ thẻ chính.
 - 1.6. Thẻ: là phương tiện do PVcomBank phát hành để thực hiện giao dịch Thẻ theo Hợp Đồng Tín Dụng, Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định pháp luật liên quan.
 - 1.7. Thẻ tín dụng: là loại Thẻ do PVcomBank phát hành cho phép Chủ Thẻ thực hiện giao dịch Thẻ trong phạm vi hạn mức Thẻ tín dụng đã được cấp theo thỏa thuận với PVcomBank. Trong quy định này các từ “Thẻ” đứng độc lập đều được hiểu bao gồm Thẻ tín dụng Quốc tế và Thẻ Tín Dụng Nội Địa.
 - 1.8. Tài khoản Thẻ: là tài khoản của Chủ thẻ tại PVcomBank để quản lý việc sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng được PVcomBank cấp cho Chủ Thẻ và quản lý các giao dịch, phí, lãi và các phát sinh liên quan đến việc sử dụng Thẻ. Chủ thẻ phụ sử dụng chung tài khoản với Chủ thẻ chính.
 - 1.9. Giao dịch thẻ: là việc sử dụng thẻ để gửi, rút tiền mặt, thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng các dịch vụ được phép khác do PVcomBank hoặc các tổ chức thanh toán thẻ cung ứng.
 - 1.10. Mã số xác định chủ thẻ (PIN): là mã số mật do PVcomBank cung cấp cho Chủ thẻ và được sử dụng trong một số loại hình giao dịch thẻ để chứng thực Chủ thẻ. Mã số này do Chủ thẻ chịu trách nhiệm bảo mật. Trong giao dịch điện tử, mã số xác định chủ thẻ được coi là chữ ký điện tử của Chủ thẻ.
 - 1.11. Thời hạn hiệu lực thẻ: là thời hạn Chủ thẻ được phép sử dụng thẻ.
 - 1.12. Ngày hết hạn thẻ: là ngày cuối cùng của tháng hết hiệu lực thẻ in trên thẻ.
 - 1.13. Ngày chuyển nợ quá hạn: là ngày liền kề sau ngày đến hạn thanh toán mà Chủ thẻ chưa thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu.
 - 1.14. Hạn mức Thẻ tín dụng: là giá trị tín dụng tối đa mà Chủ thẻ được PVcomBank cho phép sử dụng (để thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ và rút tiền mặt tại các máy rút tiền tự động hoặc điểm ứng tiền mặt là đại lý của PVcomBank) trong một thời gian nhất định. Hạn mức Thẻ tín dụng được cấp cho Chủ thẻ là đồng Việt Nam. Thời hạn cấp Hạn mức Thẻ tín dụng chính là Thời hạn hiệu lực của Thẻ.

- 1.15. Kỳ sao kê: là khoảng thời gian PVcomBank lập bản sao kê, tính từ ngày sau Ngày sao kê của kỳ liền trước tới hết ngày sao kê của kỳ hiện tại.
- 1.16. Ngày sao kê: là ngày hệ thống quản lý Thẻ thực hiện chốt dữ liệu giao dịch của Chủ thẻ trong một chu kỳ sao kê.
- 1.17. Ngày đến hạn thanh toán: là ngày được nêu trong Sao kê và là ngày mà Chủ thẻ phải trả số tiền ít nhất bằng Số tiền thanh toán tối thiểu. Ngày đến hạn thanh toán được quy định cho từng sản phẩm.
- 1.18. Số tiền thanh toán tối thiểu: là khoản tiền tối thiểu Chủ thẻ phải thanh toán cho PVcomBank trong mỗi kỳ sao kê theo quy định của PVcomBank.
- 1.19. Dư nợ: là số tiền Chủ thẻ đang nợ PVcomBank tại một thời điểm bất kỳ phát sinh từ việc phát hành và sử dụng thẻ.
- 1.20. Dư nợ cuối kỳ: số tiền Chủ thẻ đang nợ PVcomBank tính đến hết ngày sao kê, bao gồm giá trị các giao dịch, phí và lãi liên quan đến việc sử dụng Thẻ
- 1.21. Tài sản bảo đảm: là tiền ký quỹ, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác đáp ứng quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ dùng để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Chủ thẻ có liên quan đến việc sử dụng hạn mức Thẻ tín dụng được cấp thông qua Thẻ. Việc nhận, quản lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của PVcomBank.
- 1.22. Tổng đài: là tổng đài dịch vụ khách hàng 24/7 của PVcomBank và bất kỳ số điện thoại phục vụ Khách hàng liên quan tới việc phát hành và sử dụng thẻ.
- 1.23. Tài khoản đăng ký: tài khoản tiền gửi của Chủ thẻ mở tại PVcomBank được Chủ thẻ sử dụng để đăng ký trích nợ tự động.
- 1.24. CVV2/CVC2: mã số xác thực chủ thẻ khi thực hiện các giao dịch bằng thẻ qua Internet.
- 1.25. ATM: máy giao dịch tự động
- 1.26. POS: thiết bị chấp nhận thẻ tại điểm bán mà chủ thẻ có thể sử dụng thẻ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ.
- 1.27. Đơn vị chấp nhận thẻ: tổ chức, cá nhân chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ theo hợp đồng thanh toán thẻ ký kết với PVcomBank.
- 1.28. Tổ chức thanh toán thẻ: là tổ chức tín dụng, chi nhánh PVcomBank nước ngoài được thực hiện thanh toán thẻ theo quy định pháp luật.

PHÁT HÀNH THẺ

2. Không cần phải thông báo trước cho Chủ thẻ, PVcomBank có toàn quyền quyết định:

- 2.1. Đồng ý hoặc từ chối cấp Thẻ cho Chủ thẻ;
- 2.2. Từ chối hoặc phê duyệt các Giao dịch thẻ;
- 2.3. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ vào bất kỳ thời điểm nào;
- 2.4. Tăng hoặc giảm Hạn mức Thẻ tín dụng;
- 2.5. Từ chối phát hành lại, làm mới, thay thế hoặc gia hạn Thẻ;
- 2.6. Thay đổi, điều chỉnh, hạn chế hoặc hủy bỏ các dịch vụ, tiện ích liên quan đến Thẻ.

3. Thẻ chính và Thẻ phụ:

- 3.1. PVcomBank có quyền quy định số thẻ phụ tối đa mà Chủ thẻ chính được phát hành từng thời điểm.
- 3.2. Chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một hạn mức Thẻ tín dụng do PVcomBank cấp cho chủ thẻ chính. Chủ Thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản dư nợ phát sinh trên Tài khoản Thẻ.
- 3.3. Giao dịch của chủ thẻ chính và (các) chủ thẻ phụ được thể hiện trên cùng một sao kê và gửi cho chủ thẻ chính để thanh toán.
- 3.4. Trường hợp Chủ thẻ bị chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi thì việc thực hiện Điều Khoản Và Điều Kiện này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

PHẠM VI SỬ DỤNG THẺ

4. Chủ thẻ, bao gồm Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ chỉ sử dụng thẻ cho các mục đích cá nhân và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, không sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. Chủ thẻ không sử dụng hạn mức thẻ tín dụng để chuyển tiền, ghi có vào tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ hoặc thẻ trả trước hoặc ví điện tử của Chủ thẻ hoặc bên thứ ba (không phải đơn vị chấp nhận thẻ); không rút tiền mặt tại POS của đơn vị chấp nhận thẻ.
5. Thẻ chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, gửi, nạp, rút tiền mặt tại POS được lắp đặt tại tổ chức thanh toán thẻ, sử dụng các dịch vụ khác từ hệ thống ATM, hệ thống điểm chấp nhận thẻ của PVcomBank và các ngân hàng khác có hệ thống thẻ kết nối với hệ thống thẻ của PVcomBank dưới hình thức kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số tổ chức trung gian.
6. Để thực hiện giao dịch mua hàng hóa, Chủ thẻ phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cần thiết mà PVcomBank yêu cầu để phê duyệt giao dịch. PVcomBank có quyền ghi nợ lên tài khoản thẻ tín dụng đối với bất kỳ số tiền giao dịch nào được thực hiện bởi Chủ thẻ.
7. PVcomBank không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất kỳ tranh chấp nào về hàng hóa dịch vụ giữa Chủ thẻ và đơn vị chấp nhận thẻ hoặc giao dịch Thẻ bị từ chối bởi đơn vị chấp nhận thẻ ngay cả khi giao dịch nằm trong hạn mức Thẻ tín dụng sẵn có. Khiếu nại của Chủ thẻ đối với đơn vị chấp nhận thẻ không loại trừ các nghĩa vụ thanh toán của Chủ thẻ đối với PVcomBank.
8. PVcomBank có quyền giới hạn giá trị của mỗi giao dịch rút tiền mặt và/hoặc tổng giá trị các giao dịch rút tiền mặt trên thẻ tín dụng.
9. Chủ thẻ cũng có thể sử dụng thông tin Thẻ và thông qua các yếu tố xác thực chủ thẻ như PIN và/hoặc CVV2/CVC2 để thực hiện giao dịch trên Internet và các giao dịch khác đăng ký với PVcomBank (việc đăng ký các giao dịch này tuân theo quy định của PVcomBank từng thời kỳ).
10. Chủ thẻ nhận thức đầy đủ và chịu trách nhiệm khi thực hiện các giao dịch bằng Thẻ và hoàn toàn chịu mọi rủi ro phát sinh từ và/hoặc liên quan đến quá trình thực hiện các giao dịch trong phạm vi sử dụng thẻ, đồng thời chịu trách nhiệm bảo mật các yếu tố xác thực Chủ thẻ.

PHÍ VÀ TỶ GIÁ

11. **Các loại phí:** Chủ thẻ phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại phí sau:
 - 11.1. Phí phát hành Thẻ (trên cơ sở hợp đồng tín dụng mới): khoản phí Chủ thẻ phải trả trên cơ sở một Đề nghị phát hành thẻ mới và được PVcomBank chấp nhận.
 - 11.2. Phí thay đổi hạng thẻ/loại thẻ (giữ nguyên hợp đồng tín dụng đang có hiệu lực): khoản phí Chủ thẻ phải trả khi PVcomBank chấp nhận yêu cầu thay đổi loại thẻ/hạng thẻ của Chủ thẻ nhưng không thay đổi hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ đang có hiệu lực.
 - 11.3. Phí phát hành lại thẻ (do hư hỏng, mất cắp, thất lạc,...): khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ phát hành lại thẻ do hư hỏng, mất cắp, thất lạc... và không thay đổi hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ đang có hiệu lực.
 - 11.4. Phí dịch vụ phát hành nhanh (địa bàn áp dụng do PVcomBank quy định từng thời kỳ): khoản phí Chủ thẻ phải trả (chưa bao gồm các loại phí phát hành liên quan) khi Chủ thẻ yêu cầu lấy Thẻ trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày Chủ thẻ hoàn thành thủ tục phát hành và hồ sơ đề nghị phát hành thẻ được PVcomBank chấp thuận.
 - 11.5. Phí thường niên (thu theo năm, căn cứ thời hạn hiệu lực thẻ): khoản phí Chủ thẻ phải trả hàng năm để duy trì việc sử dụng Thẻ.
 - 11.6. Phí rút tiền mặt: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch rút tiền mặt tại ATM hoặc POS được lắp đặt tại chi nhánh, phòng giao dịch của PVcomBank.

- 11.7. Phí tra soát, khiếu nại: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi khiếu nại không chính xác.
- 11.8. Phí quản lý chi tiêu ngoại tệ: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi thực hiện các giao dịch bằng các loại tiền tệ không phải đồng Việt Nam.
- 11.9. Phí vượt hạn mức: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi dư nợ Thẻ vượt quá hạn mức Thẻ tín dụng được cấp
- 11.10. Phí thay đổi hạn mức Thẻ tín dụng/Hạn mức Thẻ tín dụng tạm thời: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu tăng hoặc giảm hạn mức Thẻ tín dụng và được PVcomBank chấp nhận.
- 11.11. Phí chậm thanh toán: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu sau Ngày đến hạn thanh toán.
- 11.12. Phí cấp bản sao Sao kê theo yêu cầu: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cung cấp thêm bản sao Sao kê bằng văn bản ngoài bản gốc.
- 11.13. Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu cung cấp bản sao của hóa đơn giao dịch gốc.
- 11.14. Phí xác nhận thông tin thẻ tín dụng: khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ yêu cầu PVcomBank xác nhận bằng văn bản các thông tin liên quan đến Thẻ và giao dịch Thẻ.
- 11.15. Phí xử lý giao dịch: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thực hiện giao dịch bằng đồng ngoại tệ khác đồng Việt Nam.
- 11.16. Phí cấp lại PIN: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi yêu cầu cấp lại PIN và được PVcomBank chấp thuận.
- 11.17. Phí thông báo thất lạc thẻ: là khoản phí Chủ thẻ phải trả khi Chủ thẻ thông báo (bằng văn bản theo mẫu của PVcomBank) thẻ bị mất cắp, thất lạc và đăng ký thông tin thẻ mất cắp/thất lạc đó lên hệ thống của tổ chức thẻ quốc tế.
- 11.18. Các loại phí khác: tuân theo quy định của PVcomBank và được công bố công khai tại trụ sở PVcomBank và/hoặc trên website chính thức của PVcomBank.
- 11.19. Chi tiết các loại phí được quy định tại biểu phí do PVcomBank ban hành và là một phần không thể tách rời của bản Điều Khoản Và Điều Kiện này.
12. **Tỷ giá quy đổi:** tất cả các giao dịch được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá do TCTQT cung cấp vào ngày xử lý giao dịch của TCTQT.

LÃI SUẤT THẺ VÀ CÁCH TÍNH LÃI

13. **Lãi suất Thẻ:** Lãi suất thẻ đối với việc sử dụng thẻ tín dụng do PVcomBank ban hành và được thay đổi theo từng thời kỳ phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ của PVcomBank.
14. **Cách tính lãi:** Công thức tính lãi Thẻ = Số tiền giao dịch x Số ngày tính lãi x Lãi suất Thẻ/365.
 Các giao dịch sử dụng thẻ sẽ bị tính lãi: giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ và các giao dịch khác phát sinh theo quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ, các loại phí phát sinh khi sử dụng Thẻ.
 Lãi suất Thẻ được PVcombank quy định cho từng loại Thẻ/hạng Thẻ và được PVcomBank ban hành trong từng thời kỳ.
15. **Các quy định về miễn lãi, thu lãi đối với từng loại giao dịch:**
 - 15.1. Đối với giao dịch thanh toán hàng hóa: Nếu Chủ thẻ thanh toán đầy đủ và đúng hạn toàn bộ số dư nợ (bao gồm dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, tiền phí của kỳ sao kê đó), Chủ thẻ sẽ được miễn lãi cho toàn bộ giao dịch thanh toán hàng hóa dịch vụ trong kỳ sao kê.
 Nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số dư nợ cuối kỳ (bao gồm dư nợ của kỳ trước, dư nợ phát sinh từ giao dịch rút tiền mặt, giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ, tiền lãi, các khoản phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ của kỳ sao kê đó) hoặc thanh toán nợ sau ngày đến hạn, PVcomBank sẽ tính lãi trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ tính từ ngày các giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank đến ngày Chủ thẻ thanh toán một phần số

tiền giao dịch hoặc toàn bộ dư nợ; các giao dịch còn lại chưa thanh toán sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán và các khoản lãi này được thể hiện trên kỳ sao kê tiếp theo.

- 15.2. Đối với giao dịch rút tiền mặt: Dư nợ của giao dịch rút tiền mặt sẽ bị tính lãi từ ngày giao dịch được cập nhật vào hệ thống quản lý Thẻ của PVcomBank cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán toàn bộ số tiền rút tiền mặt (không phụ thuộc vào ngày sao kê).

THANH TOÁN DƯ NỢ THẺ

16. Tổng kết giao dịch:

- 16.1. PVcomBank quy định ngày sao kê đối với mỗi loại thẻ tín dụng cụ thể;
- 16.2. Vào Ngày sao kê, PVcomBank sẽ liệt kê tất cả các giao dịch của Chủ thẻ phát sinh trong kỳ sao kê đã được cập nhật trên hệ thống PVcomBank. Các giao dịch ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam với tỷ giá theo quy định của PVcomBank tại thời điểm Giao dịch được cập nhật vào hệ thống. PVcomBank sẽ thu các loại phí phát sinh theo quy định từng thời kỳ;
- 16.3. Chủ thẻ có trách nhiệm kiểm tra tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê. Chủ thẻ phải gửi thắc mắc của mình liên quan đến các giao dịch trên Sao kê bằng văn bản cho PVcomBank trong vòng 7 ngày kể từ ngày PVcomBank lập Sao kê. Nếu trong thời hạn đó, PVcomBank không nhận được thông báo của Chủ thẻ thì coi như Chủ thẻ đồng ý thanh toán tất cả các giao dịch, phí và lãi phát sinh thể hiện trên Sao kê.
17. **Số tiền thanh toán:** Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán đúng hạn cho PVcomBank tất cả các khoản nợ phát sinh ghi trên Sao kê, mức ít nhất bằng Số tiền thanh toán tối thiểu.

18. Thực hiện thanh toán:

- 18.1. Việc thanh toán của Chủ thẻ chỉ được coi là thành công khi hệ thống của PVcomBank ghi nhận được giao dịch của Chủ thẻ;
- 18.2. Trường hợp Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do PVcomBank quy định, Chủ thẻ ủy quyền cho PVcomBank tự động ghi nợ, trích tiền từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại PVcomBank để thanh toán giá trị dư nợ theo đăng ký của Chủ thẻ. Chủ thẻ phải đảm bảo tài khoản đăng ký này luôn đủ số dư cần thiết để PVcomBank ghi nợ trong khoảng thời gian từ sau Ngày sao kê đến Ngày đến hạn thanh toán.
- 18.3. PVcomBank có quyền trích nợ toàn bộ giá trị dư nợ mà Chủ thẻ đã đăng ký từ tài khoản đăng ký trong bất kỳ thời điểm nào sau Ngày sao kê và trước Ngày đến hạn thanh toán. Nếu trong khoảng thời gian này, số dư trong tài khoản đăng ký không đủ để PVcomBank trích nợ giá trị dư nợ theo đăng ký của Chủ thẻ với PVcomBank, Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán trực tiếp cho PVcomBank phần dư nợ còn thiếu và phải chịu các khoản lãi, phí phát sinh (nếu có).
19. **Thứ tự thanh toán:** Dư nợ được thanh toán theo thứ tự thời gian giao dịch được cập nhật vào hệ thống và theo thứ tự dưới đây:
- 19.1. Các khoản, phí, lãi;
- 19.2. Các khoản giao dịch rút tiền mặt;
- 19.3. Các khoản giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ.

SỰ VI PHẠM, THAY ĐỔI BẤT LỢI ĐÁNG KỂ

20. **Sự Kiện Vi Phạm:** Bất kỳ sự kiện nào quy định dưới đây là một sự kiện vi phạm (trong Điều Khoản Và Điều Kiện này gọi là “Sự Kiện Vi Phạm”):
- 20.1. Chủ thẻ sử dụng thẻ sai mục đích hoặc vi phạm pháp luật và/hoặc tài liệu, thông tin do Chủ thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực, sai sự thật.
- 20.2. Chủ thẻ chi tiêu vượt hạn mức Thẻ tín dụng mà không được PVcomBank cho phép;

- 20.3. Chủ thẻ vi phạm bất kỳ cam kết hoặc nghĩa vụ nào theo quy định về việc phát hành và sử dụng Thẻ của PVcomBank, vi phạm Điều Khoản Và Điều Kiện này hoặc vi phạm quy định của pháp luật;
- 20.4. Sau 1 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán số tiền nhỏ hơn Số tiền thanh toán tối thiểu, toàn bộ dư nợ chưa thanh toán sẽ bị chuyển sang nợ quá hạn và Chủ thẻ bị xem là vi phạm Điều Khoản Và Điều Kiện. Việc chuyển nợ quá hạn, thu hồi và xử lý nợ thực hiện theo các quy định về thu hồi và xử lý nợ của PVcomBank trong từng thời kỳ;
- 20.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ.
21. **Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể:** Thay đổi bất lợi đáng kể theo Điều Khoản Và Điều Kiện này là bất kỳ hành động, sự kiện, chuỗi sự kiện cho dù có liên quan hay không liên quan trực tiếp đến Chủ thẻ, nhưng theo quan điểm, đánh giá của PVcomBank có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng (trong Điều Khoản Và Điều Kiện này gọi là “**Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể**”), bao gồm:
- 21.1. Chủ thẻ chết hoặc bị tuyên bố chết, mất tích hoặc bị tuyên bố mất năng lực hành vi, bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho PVcomBank hoặc bị Tòa án xác định vắng mặt tại nơi cư trú;
- 21.2. Chủ thẻ tham gia các thủ tục khiếu kiện, khiếu nại, thủ tục tố tụng (bao gồm nhưng không giới hạn bởi: giải quyết ly hôn, khởi tố, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành bản án,...) hoặc thủ tục trọng tài và tất cả các sự kiện khác mà theo quyết định của PVcomBank có ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của Chủ thẻ.
- 21.3. Người bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ của Chủ thẻ (nếu có) không có khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh hoặc bị rơi vào các trường hợp tương tự như của Chủ thẻ nêu trên hoặc Người bảo lãnh, bên có liên quan đó là tổ chức bị chia tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.
- 21.4. Phần lớn tài sản của Chủ thẻ bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ; hoặc tài sản bảo đảm của Chủ thẻ bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị so với giá trị tài sản bảo đảm được định giá tại thời điểm cấp hạn mức theo định giá của PVcomBank hoặc bên thứ ba;
- 21.5. Xảy ra các sự kiện liên quan đến gian lận và quản trị rủi ro bao gồm nhưng không giới hạn: PVcomBank phát hiện những dấu hiệu thẻ bị giả mạo hoặc nghi ngờ thẻ của Chủ thẻ bị lợi dụng; PVcomBank nhận được thông báo từ Tổ Chức Thẻ Quốc Tế về danh sách thẻ nghi ngờ; Thẻ nằm trong danh sách thẻ đen/thu hồi; Thẻ bị thất lạc trong quá trình giao nhận; Chủ thẻ không kích hoạt thẻ sau 180 ngày kể từ khi Thẻ được phát hành; các sự kiện liên quan đến công tác điều tra, xử lý tội phạm theo quy định pháp luật,...
- 21.6. Các sự kiện khác mà theo đánh giá, xem xét của PVcomBank là có khả năng ảnh hưởng tới khả năng trả nợ đầy đủ, đúng hạn của Chủ thẻ bao gồm nhưng không giới hạn: nghi việc, thay đổi thu nhập hoặc không đáp ứng điều kiện sử dụng Thẻ theo quy định của PVcomBank.
22. Khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc Thay Đổi Bất Lợi Đáng Kể theo Điều Khoản Và Điều Kiện này, Chủ thẻ xác nhận và đồng ý vô điều kiện rằng PVcomBank có quyền tiến hành một hoặc nhiều biện pháp sau đây mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ:
- 22.1. Khóa thẻ tạm thời;
- 22.2. Thu giữ Thẻ;
- 22.3. Khóa thẻ vĩnh viễn, chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thẻ, thực hiện thu hồi thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ dư nợ (nếu có);
- 22.4. Từ chối thanh toán thẻ;
- 22.5. Trích nợ từ các tài khoản thanh toán và sổ tiết kiệm của Chủ thẻ tại PVcomBank. Trong trường hợp trích nợ từ sổ tiết kiệm hoặc tài khoản tiết kiệm của Chủ thẻ để thanh toán dư nợ, PVcomBank được miễn trách nhiệm về việc chấm dứt trước kỳ hạn tiền gửi của Chủ thẻ;
- 22.6. Thu hồi nợ từ các nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác hay bất kỳ tài sản nào khác của Chủ thẻ hoặc tài sản bảo đảm cho các khoản vay khác của Chủ thẻ tại PVcomBank mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ;

- 22.7. Lập ủy nhiệm thu, yêu cầu các Ngân hàng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền để thu hồi nợ gốc, lãi trong trường hợp dư nợ của Chủ thẻ chuyển sang quá hạn;
- 22.8. Tiến hành các biện pháp thu hồi nợ khác, bao gồm cả khởi kiện. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán chi phí phát sinh để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn bởi phí luật sư, án phí, phí xử lý tài sản bảo đảm, chi phí đi lại, thông tin liên lạc, sao, chụp, công chứng, dịch thuật tài liệu, chuẩn bị tài liệu tố tụng, phí thi hành án mà PVcomBank không cần chứng minh;
- 22.9. Khi hết thời hạn hiệu lực thẻ, nếu Chủ thẻ chưa thanh toán hết toàn bộ dư nợ, PVcomBank được quyền tiến hành các thủ tục thu hồi nợ vay và xử lý tài sản bảo đảm.

CHẤM DỨT SỬ DỤNG THẺ

23. Các bên có thể chấm dứt sử dụng thẻ trong trường hợp: (i) PVcomBank đơn phương chấm dứt cung cấp dịch vụ thẻ và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng Tín Dụng theo quy định tại Điều 22; hoặc (ii) Chủ thẻ gửi thông báo bằng văn bản đề nghị chấm dứt sử dụng Thẻ và gửi trả thẻ cho PVcomBank; hoặc (iii) Chủ thẻ có yêu cầu khóa thẻ vĩnh viễn, đã thanh toán hết Dư nợ và không có yêu cầu phát hành lại thẻ trong vòng 90 ngày kể từ ngày khóa thẻ; hoặc (iv) các trường hợp khác theo thỏa thuận hoặc theo quy định pháp luật.
24. Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản giao dịch trước thời điểm Thẻ bị chấm dứt sử dụng và các khoản phát sinh (nếu có) chưa được cập nhật trên tài khoản thẻ theo thông báo của PVcomBank. PVcomBank chỉ thực hiện giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau ít nhất 45 ngày kể từ ngày yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ của Chủ thẻ có hiệu lực và Chủ thẻ đã thanh toán mọi nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm với PVcomBank.
25. Việc chấm dứt Hợp Đồng Tín Dụng có hiệu lực khi Chủ thẻ thanh toán toàn bộ Dư nợ và các tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ (nếu có) đã được giải quyết xong. Thời hạn để xử lý yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ là 02 kỳ sao kê kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Chủ thẻ.
26. Khi chấm dứt sử dụng thẻ theo yêu cầu của Chủ thẻ hoặc PVcomBank thì toàn bộ Dư nợ là đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi chi phí phát sinh đến thời điểm đó. Nếu Chủ thẻ đã chấm dứt sử dụng Thẻ nhưng vẫn dùng Thẻ để giao dịch thì Chủ thẻ vẫn phải có trách nhiệm thanh toán các giao dịch này và các khoản lãi, phí phát sinh theo quy định của PVcomBank.
27. Trong trường hợp chủ thẻ sử dụng để đăng ký dịch vụ thanh toán định kỳ hoặc ghi nợ định kỳ với các đơn vị chấp nhận thẻ, các dịch vụ này vẫn tiếp tục được duy trì khi Chủ thẻ chấm dứt sử dụng thẻ tại PVcomBank. Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo hủy dịch vụ thanh toán định kỳ hoặc ghi nợ định kỳ theo trình tự do đơn vị chấp nhận thẻ quy định.

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

28. **Quyền và trách nhiệm của Chủ thẻ:**
- 28.1. **Quyền của Chủ thẻ:**
- 28.1.1 Được sử dụng thẻ theo quy định từ Điều 4 đến Điều 10 của Điều Khoản Và Điều Kiện này;
- 28.1.2 Được quyền yêu cầu PVcomBank cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất về giao dịch thẻ và số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của PVcomBank;
- 28.1.3 Có quyền yêu cầu tra soát, khiếu nại về các sai sót, vi phạm (nếu có) trong quá trình sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật;
- 28.1.4 Được quyền yêu cầu khóa thẻ tạm thời, khóa thẻ vĩnh viễn;
- 28.1.5 Các quyền khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

- 28.2. Trách nhiệm của Chủ thẻ:** Ngoài các trách nhiệm khác quy định tại bản Điều Khoản Và Điều Kiện này, Chủ thẻ có các trách nhiệm sau:
- 28.2.1 Cung cấp đầy đủ, chính xác các hồ sơ, giấy tờ, thông tin cần thiết theo yêu cầu của PVcomBank khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ;
 - 28.2.2 Sử dụng hạn mức Thẻ theo đúng mục đích thanh toán hàng hóa, dịch vụ, rút tiền mặt hoặc thực hiện các giao dịch được phép khác. Chủ thẻ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng hạn mức Thẻ không đúng mục đích;
 - 28.2.3 Nhận Thẻ và kích hoạt Thẻ trong vòng 180 ngày kể từ khi Thẻ được phát hành. Quá thời gian này, Thẻ sẽ bị hủy và Chủ thẻ phải chịu khoản phí phát hành và phí thường niên năm đầu tiên của Thẻ;
 - 28.2.4 Kích hoạt thẻ theo hình thức đã đăng ký và chịu mọi rủi ro phát sinh;
 - 28.2.5 Chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật PIN. Chủ thẻ không được chuyển nhượng hoặc cho mượn Thẻ, không được tiết lộ PIN cho bất kỳ bên thứ ba nào khác;
 - 28.2.6 Ký chữ ký mẫu vào dải băng chữ ký ở mặt sau Thẻ ngay khi nhận Thẻ;
 - 28.2.7 Ngay lập tức thông báo cho PVcomBank khi thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng và thanh toán các khoản phí phát sinh, nếu có;
 - 28.2.8 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay, lãi, phí phát sinh do việc sử dụng Thẻ theo sao kê do PVcomBank cung cấp. Trong trường hợp Chủ thẻ có thực hiện giao dịch thẻ nhưng không nhận được hoặc chậm nhận được sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản vay, lãi, phí phát sinh do việc sử dụng thẻ theo quy định nếu PVcomBank cung cấp được các bằng chứng về việc đã gửi sao kê cho Chủ thẻ;
 - 28.2.9 Hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho PVcomBank theo yêu cầu của PVcomBank đối với các khoản mà Chủ thẻ thanh toán/rút thừa, vượt quá hạn mức Thẻ tín dụng, giao dịch ghi có nhằm vào tài khoản của Chủ thẻ, giao dịch tra soát khiếu nại tại ATM và đơn vị chấp nhận thẻ đã được tạm ứng cho Chủ thẻ và các giao dịch nhằm lừa khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp. PVcomBank được quyền trích nợ để thu hồi các khoản nợ này mà không cần thông báo cho Chủ thẻ;
 - 28.2.10 Không sử dụng lại Thẻ mà Chủ thẻ đã thông báo cho PVcomBank là bị mất cắp, thất lạc;
 - 28.2.11 Không sử dụng thẻ cho các giao dịch trái phép, bất hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành. PVcomBank có quyền từ chối xử lý hoặc thanh toán trong các trường hợp nêu trên;
 - 28.2.12 Hoàn trả lại Thẻ cho PVcomBank khi tìm lại Thẻ đã báo mất cắp, thất lạc trước đó; khi Thẻ hết hạn sử dụng; khi Chủ thẻ không có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ; và các trường hợp khác theo yêu cầu của PVcomBank;
 - 28.2.13 Công nhận các hóa đơn, chứng từ liên quan đến giao dịch thẻ đã được hệ thống PVcomBank ghi nhận và cung cấp. Chủ thẻ chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các giao dịch có chữ ký và/hoặc sử dụng PIN của Thẻ và các giao dịch khác nếu PVcomBank cung cấp được bằng chứng về việc Thẻ được thực hiện giao dịch mà không cần chữ ký của Chủ thẻ;
 - 28.2.14 Chủ thẻ chính phải chịu trách nhiệm với PVcomBank về việc sử dụng Thẻ của chủ thẻ phụ;
 - 28.2.15 Chịu trách nhiệm giải quyết các mâu thuẫn với đơn vị chấp nhận thẻ về các vấn đề liên quan đến giao dịch thẻ mà không trì hoãn việc thanh toán vào Ngày đến hạn thanh toán;
 - 28.2.16 Sử dụng thẻ trong hạn mức Thẻ tín dụng được cấp và có trách nhiệm trả phí theo quy định của PVcomBank khi sử dụng Thẻ quá hạn mức Thẻ tín dụng được cấp;
 - 28.2.17 Thanh toán số tiền Giao dịch thẻ tranh chấp và các khoản phí phát sinh theo quy định của tổ chức thẻ quốc tế khi tranh chấp được đưa ra trọng tài quốc tế và trọng tài quốc tế xử Chủ thẻ thua kiện.
 - 28.2.18 Thông báo ngay cho PVcomBank bằng văn bản thay đổi về những thông tin đã cung cấp tại Hợp Đồng Tín Dụng hoặc các thông tin khác theo yêu cầu của PVcomBank;
 - 28.2.19 Tuân thủ các quy định, chính sách hiện hành của PVcomBank liên quan đến việc cho vay và trong trường hợp các quy định, chính sách này có thay đổi, Chủ thẻ cam kết sẽ thực hiện theo đúng các quy định, chính sách đã được thay đổi đó đúng theo thời hạn do PVcomBank thông báo;

- 28.2.20 Chủ thẻ đồng ý rằng đối với các yêu cầu về tra soát khiếu nại về dịch vụ thẻ, Chủ thẻ có trách nhiệm thực hiện yêu cầu, nếu có bằng văn bản trong vòng 35 ngày kể từ ngày giao dịch phát sinh hoặc kể từ ngày quyền và nghĩa vụ của Chủ thẻ bị vi phạm. Quá thời hạn trên, PVcomBank vẫn tiếp tục hỗ trợ giải quyết tra soát khiếu nại nhưng khách hàng phải chịu hoàn toàn thiệt hại phát sinh do khiếu nại chậm. PVcomBank từ chối tiếp nhận các yêu cầu tra soát nếu trong vòng 120 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch khách hàng không gửi yêu cầu tra soát cho PVcomBank;
- 28.2.21 Cam kết chịu trách nhiệm về tất cả những giao dịch bằng Thẻ đã thực hiện trước thời điểm PVcomBank nhận được thông báo bằng văn bản về việc Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng, bao gồm nhưng không giới hạn giao dịch lừa đảo và/hoặc chữ ký giả mạo bởi bất kỳ người nào;
- 28.2.22 Chủ thẻ công nhận, không hủy ngang và chịu trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch được thực hiện theo đúng quy định của PVcomBank về quy trình thanh toán bằng Thẻ; cam kết chịu mọi rủi ro liên quan đến giao dịch đã thực hiện.
- 28.2.23 Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

29. Quyền và trách nhiệm của PVcomBank:

- 29.1. Quyền của PVcomBank:** Ngoài các quyền khác quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này, PVcomBank có các quyền sau:
- 29.1.1. PVcomBank được miễn trách nhiệm trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin,... bị trục trặc hoặc vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank;
- 29.1.2. Từ chối cấp phép các Giao dịch thẻ không hợp lệ, hợp pháp theo quy định của PVcomBank và pháp luật hoặc trong các trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank;
- 29.1.3. Yêu cầu Chủ thẻ cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu cần thiết khi đề nghị phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ;
- 29.1.4. Thu thập thông tin từ các tổ chức khác về Chủ thẻ;
- 29.1.5. Cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân được phép khác thông tin về Chủ thẻ, số PIN, Sao kê và các Giao dịch thẻ theo đúng quy định của pháp luật;
- 29.1.6. Tăng hoặc giảm hạn mức và/hoặc thay đổi hạng thẻ theo quy định của PVcomBank;
- 29.1.7. Khóa Thẻ khi nhận được thông báo Thẻ bị mất cắp, thất lạc, lộ PIN hoặc có nghi ngờ Thẻ đang bị lợi dụng;
- 29.1.8. Thu hồi Thẻ bất cứ lúc nào bằng cách thông báo về việc thu hồi này cho Chủ thẻ hoặc thông qua các tổ chức thanh toán thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ trong các trường hợp Chủ thẻ vi phạm các quy định của pháp luật, của PVcomBank, của tổ chức thẻ quốc tế hoặc vi phạm các thỏa thuận trong Điều Khoản Và Điều Kiện này, hoặc các trường hợp nghi ngờ thẻ giả, giả mạo. Trong trường hợp này, PVcomBank được miễn trách đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc thu hồi lại Thẻ;
- 29.1.9. Ghi nợ Tài khoản giá trị tất cả các Giao dịch thẻ, các khoản phí và lãi phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ theo biểu phí được PVcomBank quy định từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận tại Điều Khoản Và Điều Kiện này;
- 29.1.10. Yêu cầu Chủ thẻ thanh toán các khoản Giao dịch thẻ và các khoản phí, lãi phát sinh liên quan đến việc phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ;
- 29.1.11. Được quyền yêu cầu Chủ thẻ sử dụng mọi tài sản và nguồn thu của cá nhân và gia đình Chủ thẻ; yêu cầu bên nắm giữ tài sản của Chủ thẻ, gia đình Chủ thẻ, các thành viên Chủ thẻ chuyển giao cho PVcomBank để thanh toán, hoàn trả các khoản nợ gốc, lãi, phí cho Chủ thẻ; được quyền ghi âm lại tất cả trao đổi của Chủ thẻ và/hoặc các thông tin bằng lời nói giữa Chủ thẻ và PVcomBank trong quá trình sử dụng Thẻ;
- 29.1.12. Được quyền liên hệ với vợ/chồng/người tham chiếu của Chủ thẻ mà Chủ thẻ đã cung cấp thông tin tại Đề nghị phát hành thẻ trong trường hợp cần thiết;
- 29.1.13. Các quyền khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.
- 29.2. Trách nhiệm của PVcomBank:**
- 29.2.1. Tuân thủ các quy định về phát hành và thanh toán Thẻ của pháp luật Việt Nam và tổ chức thẻ quốc tế;

- 29.2.2. Bảo mật các thông tin của Chủ thẻ theo quy định của pháp luật và chỉ cung cấp các thông tin này trong những trường hợp theo quy định của pháp luật và/hoặc thỏa thuận với Chủ thẻ;
- 29.2.3. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng Thẻ theo quy định của pháp luật và tổ chức thẻ quốc tế;
- 29.2.4. Khóa thẻ khi nhận được thông báo của Chủ thẻ về việc thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc lộ PIN;
- 29.2.5. Khi phát sinh thay đổi hoặc ngừng cung cấp dịch vụ, PVcomBank phải gửi thông báo cho Chủ thẻ hoặc đăng tải thông tin trên website hoặc hình thức khác do PVcomBank lựa chọn;
- 29.2.6. Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều Khoản Và Điều Kiện này và các quy định có liên quan của pháp luật.

BẤT KHẢ KHÁNG

- 30. Sự kiện bất khả kháng:** là sự kiện xảy ra một cách khách quan đối với PVcomBank mà PVcomBank không thể lường trước được và không thể ngăn chặn, khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép gây ảnh hưởng đến việc sử dụng thẻ của Khách hàng.
- 30.1.** Các sự kiện sau đây được coi là bất khả kháng:
 - 30.1.1. Chiến tranh, sự xâm chiếm, xung đột vũ trang, kẻ thù bên ngoài, cách mạng hay khủng bố; hoặc
 - 30.1.2. Thiên tai, hỏa hoạn, tràn nước trong phạm vi địa lý mà Dịch vụ được thực hiện; đường truyền tín hiệu thu vệ tinh bị sự cố; hoặc
 - 30.1.3. Sự cố liên quan đến Internet bao gồm nhưng không giới hạn: gián đoạn, hỏng hóc đường truyền, điện, mạng, thiết bị, vi rút, các lỗi kỹ thuật, gian lận và/hoặc các sự cố khác;
 - 30.1.4. Bất kỳ sự kiện nào khác nằm ngoài khả năng kiểm soát của PVcomBank, trong từng trường hợp đều không thể dự đoán và ngăn chặn mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép.
- 30.2.** PVcomBank sẽ không chịu trách nhiệm cho bất cứ sự chậm trễ hay vi phạm nào trong việc thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào của Điều Khoản Và Điều Kiện này nếu những chậm trễ hay vi phạm đó bị gây ra bởi sự kiện bất khả kháng.
- 30.3.** Nếu sự kiện bất khả kháng tác động và làm cho PVcomBank không thể thực hiện nghĩa vụ cung cấp dịch vụ của mình theo Điều Khoản Và Điều Kiện này, PVcomBank sẽ ngay lập tức thông báo cho Khách hàng biết về sự kiện bất khả kháng này trong thời hạn và cách thức phù hợp, bao gồm cả thời gian bắt đầu, thời gian dự kiến kéo dài, phạm vi nghĩa vụ bị ảnh hưởng, hậu quả dự kiến và biện pháp khắc phục hậu quả do sự kiện bất khả kháng gây ra (nếu có). PVcomBank có quyền chỉ định bên thứ ba khác để khắc phục hoặc hỗ trợ cho quá trình khắc phục hậu quả.
- 30.4.** Khách hàng có quyền chấm dứt hợp đồng nếu sau thời hạn khắc phục mà PVcomBank đã đưa ra mà PVcomBank không hoàn thành việc khôi phục dịch vụ.

QUY ĐỊNH KHÁC

- 31. Các quy định khác**
 - 31.1.** Nếu Chủ thẻ sử dụng Thẻ để đặt trước dịch vụ nhưng không sử dụng dịch vụ đó và không thông báo hủy dịch vụ trong thời hạn theo quy định của đơn vị chấp nhận thẻ, Chủ thẻ có thể phải thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị dịch vụ, các loại thuế và phí liên quan theo quy định của từng đơn vị chấp nhận thẻ. PVcomBank có quyền ghi nợ tài khoản thẻ của Chủ thẻ trong những trường hợp này;
 - 31.2.** Nếu xét thấy Chủ thẻ vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng PVcomBank, PVcomBank có thể xem xét tái cấp hạn mức thẻ tín dụng cho Chủ thẻ, phù hợp với quy định của PVcomBank trong từng thời kỳ. Trong trường hợp PVcomBank xét thấy việc tái cấp hạn mức thẻ tín dụng cho Chủ thẻ là phù hợp, Chủ thẻ mặc nhiên chấp nhận

Hợp Đồng Tín Dụng mà Chủ thẻ đã ký kết trước đó và bản Điều Khoản Và Điều Kiện này được tự động gia hạn theo thời hạn hiệu lực của hạn mức thẻ tín dụng đã được tái cấp. Trừ khi PVcomBank có văn bản khước từ quyền hạn, quyền lực hay biện pháp của mình, mọi sự thất bại hay chậm trễ thực hiện các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp nào của PVcomBank sẽ không được coi như là sự khước từ toàn bộ hay khước từ một phần các quyền hạn, quyền lực hay biện pháp đó.

- 31.3.** Bất cứ yêu cầu nào của Chủ thẻ liên quan đến việc phát hành và sử dụng Thẻ phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng hình thức được pháp luật cho phép hoặc do hai bên thỏa thuận. PVcomBank sẽ không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh do việc thực hiện các yêu cầu của Chủ thẻ không qua các hình thức này.
- 31.4.** Thông báo của Bên Vay cho PVcomBank chỉ được xem là PVcomBank đã nhận nếu thông báo đó được gửi bằng hình thức văn bản cho PVcomBank theo địa chỉ đã nêu trong Hợp đồng Tín Dụng, trong giờ làm việc, ngày làm việc và được PVcomBank xác nhận là đã nhận. Các văn bản thông báo được gửi đến PVcomBank ngoài giờ làm việc được PVcomBank xem là nhận vào bất kỳ thời điểm nào của ngày làm việc tiếp theo.
- 31.5.** Trừ khi có quy định rõ ràng khác trong Điều Khoản Và Điều Kiện, tất cả các thông báo và thông tin của PVcomBank cho Bên Vay theo Điều Khoản Và Điều Kiện có thể gửi đi bằng một trong các phương thức như sau: (i) đường bưu điện, (ii) giao tận tay, (iii) fax, (iv) điện thoại, tin nhắn điện thoại; (v) thư điện tử tới hộp thư Bên Vay đã đăng ký; (vi) đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của PVcomBank (<http://pvcombank.com.vn>).
- 31.6.** Thông báo của PVcomBank gửi cho Bên Vay được xem là đã nhận nếu:
- 31.6.1. Bằng thư, từ thời điểm bưu điện hoặc đơn vị chuyển phát hoàn thành việc gửi thư;
 - 31.6.2. Bằng điện thoại, từ thời điểm thông báo;
 - 31.6.3. Bằng email/tin nhắn điện thoại, từ thời điểm hoàn thành việc gửi email/tin nhắn điện thoại;
 - 31.6.4. Bằng fax, từ thời điểm hoàn thành việc gửi fax.
 - 31.6.5. Gửi trực tiếp, từ thời điểm Bên Vay hoặc bất kỳ cá nhân nào (người thân, bạn bè,...) nhận thông báo tại địa chỉ của Bên Vay nêu tại Hợp Đồng Tín Dụng.
 - 31.6.6. Trường hợp PVcomBank thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn> hoặc niêm yết thông báo tại Quầy giao dịch, Khách hàng được xem là đã nhận kể từ thời điểm PVcomBank hoàn tất việc đăng thông tin trên website <http://www.pvcombank.com.vn> hoặc PVcomBank hoàn tất việc niêm yết thông tin tại các Quầy giao dịch.
- 32. Sửa đổi, bổ sung nội dung:** Trong trường hợp khi có sự thay đổi của pháp luật, hướng dẫn của PVcomBank Nhà Nước Việt Nam hoặc các quy định nội bộ của PVcomBank dẫn tới sự khác biệt đối với các thỏa thuận đã được ghi nhận tại Bản Điều Khoản Và Điều Kiện này, Các Bên đồng ý rằng PVcomBank được tự động áp dụng những thay đổi này theo quy định pháp luật và quy định nội bộ cho phù hợp và đăng tải trên website <http://www.pvcombank.com.vn> khi điều chỉnh. Các sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực từ ngày Bản Điều Khoản Và Điều Kiện (sửa đổi, bổ sung) được đăng tải thành công và PVcomBank thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn>.
- 32.1.** Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày Bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện được đăng tải và thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn>, nếu Chủ thẻ không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung do PVcomBank đưa ra, Chủ thẻ có trách nhiệm thông báo với PVcomBank để thỏa thuận chấm dứt Điều Khoản Và Điều Kiện này;
- 32.2.** Nếu Chủ thẻ không có ý kiến sau thời hạn 5 ngày kể từ ngày PVcomBank đăng tải và thông báo trên website <http://www.pvcombank.com.vn> về Bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện hoặc tiếp tục sử dụng Thẻ sau thời điểm bản sửa đổi, bổ sung của Điều Khoản Và Điều Kiện được PVcomBank đăng tải và thông báo thì được hiểu là Chủ thẻ chấp nhận hoàn toàn các sửa đổi, bổ sung đó.
- 33. Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp**
- 33.1.** Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Kiện này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam và các quy định về phát hành, sử dụng và thanh toán Thẻ. Nếu bất kỳ điều khoản hay điều kiện nào trong Hợp Đồng Tín Dụng và Bản Điều

Khoản Và Điều Khoản này bị tuyên vô hiệu theo phán quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc do thay đổi luật thì các nội dung còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực và có giá trị thực hiện với các bên.

- 33.2.** Nếu có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích từ ngữ cũng như việc thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng và Điều Khoản Và Điều Khoản này giữa Chủ thẻ và PVcomBank trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải được, Hai bên thỏa thuận lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền hoặc Trung tâm trọng tài do nguyên đơn lựa chọn. Trường hợp lựa chọn Trung tâm trọng tài, Hai bên đồng ý tuân thủ theo quy tắc trọng tài của Trung tâm trọng tài, Hội đồng trọng tài gồm 1 người duy nhất do Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định.
- 34. Điều khoản thi hành**
- 34.1.** Những tài liệu kèm theo Điều Khoản Và Điều Khoản này hoặc để thực hiện Hợp Đồng Tín Dụng là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Tín Dụng;
- 34.2.** Chủ thẻ xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với Điều Khoản Và Điều Khoản, đã được PVcomBank giải thích chính xác, đầy đủ các nội dung trước khi ký.
- 34.3.** Điều Khoản và Điều Khoản có thể được thể hiện bằng tiếng nước ngoài, trong trường hợp có mâu thuẫn nội dung giữa bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài thì bản tiếng Việt có giá trị sử dụng;
- 34.4.** Các thông tin của Chủ thẻ được PVcomBank bảo mật, trừ trường hợp phải cung cấp cho: (a) cho Cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật; (b) cho Trung tâm thông tin tín dụng của PVcomBank nhà nước (CIC); (c) Cho tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm; (d) cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân bất kỳ để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp luật PVcomBank vì mục đích để thực hiện giải ngân, thu nợ, mua bán nợ, kiểm toán, tư vấn hoặc để thực hiện hoạt động cung cấp, giới thiệu, hỗ trợ cho Chủ thẻ về các thông tin liên quan đến sản phẩm, dịch vụ của PVcomBank; (e) các trường hợp khác do pháp luật quy định và tại Điều Khoản Và Điều Khoản này.
- 34.5.** Các Bên đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với toàn bộ nội dung Điều Khoản Và Điều Khoản này.